

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CẨM PHẢ
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/HNGĐ - ST

Ngày 12-9-2022

V/v tranh chấp ly hôn,
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ, TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Túc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Chiến

2. Bà Mai Tường Vi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thu Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2022, tại Hội trường xét xử 2 - Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 56/2022/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2022, về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2022/QĐXX-ST ngày 10 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Hoàng Thị S, sinh năm 19xx.

Địa chỉ: tổ 53, khu 5, phường P1, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

Có mặt.

2. Bị đơn: anh Nguyễn Ngọc G, sinh năm 19xx.

Địa chỉ: tổ 53, khu 5, phường P1, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai, bản tự khai bổ sung và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hoàng Thị S trình bày: chị Hoàng Thị S và anh Nguyễn Ngọc G chung sống với nhau từ năm 1998 đến năm 2004 tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P1, thành phố Cẩm Phả. Vợ chồng chung sống tại nhà riêng thuộc tổ xx, khu x, phường P1, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Cuộc sống chung vợ chồng chị S, anh G hòa thuận đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị S, anh G không hợp nhau về quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra cãi nhau. Thời gian đầu vợ chồng rất hay cãi nhau nhưng sau này do cả hai đã có tuổi và không muốn làm ảnh hưởng đến các con nên không nói chuyện với nhau nữa. Ngoài ra anh G còn có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên càng khiến mâu thuẫn vợ chồng trở nên căng thẳng,

trầm trọng hơn. Vợ chồng chị đã tìm mọi biện pháp khắc phục mâu thuẫn nhưng không có kết quả vì vậy chị S, anh G đã ly thân khoảng 2 năm nay không còn quan tâm đến nhau. Vợ chồng sống xa nhau đã lâu, tình cảm vợ chồng không còn nên chị S đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Ngọc G.

Chị Hoàng Thị S và anh Nguyễn Ngọc G có hai con chung là Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 19xxx (đã thành niên, khỏe mạnh, không có nhược điểm về thể chất, tâm thần) và Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày xx/xx/20xx. Khi ly hôn, chị S trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Ngọc H và không yêu cầu anh G cấp dưỡng cho con. Hiện chị S trông giữ trẻ tại nhà thu nhập khoảng 10 triệu đến 12 triệu đồng/tháng, đảm bảo nuôi dưỡng con chung tốt.

Về tài sản chung: chị S, anh G tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: không có.

Bị đơn anh Nguyễn Ngọc G tại bản tự khai có quan điểm: anh Nguyễn Ngọc G và chị Hoàng Thị S tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 1988, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P1, thành phố Cẩm Phả. Cuộc sống chung vợ chồng bình thường được khoảng 4 năm sau đó xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do công việc làm ăn của anh G gặp khó khăn, chị S không hiểu, không thông cảm nên bỏ mặc cho anh G tự lo liệu. Vợ chồng anh đã sống ly thân khoảng 3 năm nay, không còn quan tâm đến nhau. Vì các con nên anh G không muốn ly hôn, nhưng nếu chị S kiên quyết ly hôn anh G cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: anh G và chị S có hai con chung là Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 1999 (đã thành niên, khỏe mạnh, không có nhược điểm về thể chất, tâm thần) và Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày xx/xx/20xx. Anh G xin trực tiếp nuôi con chung không yêu cầu chị S cấp dưỡng cho con. Hiện anh G là công nhân Công ty cổ phần thương mại Tuấn Nghĩa, thu nhập 12 triệu đồng/ tháng, anh G đảm bảo nuôi dưỡng con chung tốt.

Về tài sản và nợ chung: anh G và chị S tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập họp lệ bị đơn anh Nguyễn Ngọc G để tham gia phiên họp kiểm tra, tiếp cận không khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh G vắng mặt không lý do.

Biên bản xác minh khu phố ngày 16/7/2022 nơi chị Hoàng Thị S và anh Nguyễn Ngọc G chung sống tại tổ xx, khu x, phường P1 được biết chị S và anh G là vợ chồng hợp pháp, do mâu thuẫn quá căng thẳng, trầm trọng nên đã sống ly thân mỗi người một nơi và không công tình cảm cho nhau. Về điều kiện nuôi dưỡng con, anh G đi làm từ sáng sớm đến tối mới về nhà còn chị S làm công việc tại nhà và từ trước đến nay là người trực tiếp nuôi dưỡng con. Đề nghị Tòa án căn cứ nguyện vọng của con để giao con cho người có điều kiện tốt nhất.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả phát biểu quan điểm: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng qui định tại Điều 203 của Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp và áp dụng các quy định của pháp luật giải quyết vụ án chính xác. Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, căn cứ Điều 56, khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn và nuôi con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng, Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả nhận định:

[1] Về tố tụng: chị Hoàng Thị S yêu cầu xin ly hôn với anh Nguyễn Ngọc G hiện cư trú trên địa bàn thành phố Cẩm Phả nên Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả thụ lý giải quyết với quan hệ pháp luật “Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn” là đúng quy định tại các Điều 28, 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Ngọc G được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: theo quan điểm ban đầu nguyên đơn, bị đơn trình bày tại bản tự khai kết hôn vào năm 1988, tuy nhiên sau khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hoàng Thị S khẳng định chị và anh G chung sống với nhau từ năm 1998 đến năm 2004 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P1, thành phố Cẩm Phả. Đối chiếu giấy khai sinh con chung Nguyễn Ngọc Q và Giấy chứng nhận kết hôn, Tòa án xác định chị Hoàng Thị S và anh Nguyễn Ngọc G chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1998 đến năm 2004 mới đăng ký kết hôn do vậy hôn nhân giữa chị S với anh G là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn, do chị S, anh G không hiểu, không có tiếng nói chung và thường xuyên xảy ra cãi nhau. Từ khoảng năm 2020 đến nay, vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm đến nhau. Lời khai của chị S, anh G về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn cơ bản phù hợp với kết quả thu thập chứng cứ về tình trạng hôn nhân của chị S, anh G tại nơi cư trú và đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn là có cơ sở. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị S, anh G đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị S đối với anh G.

[3] Về con chung: chị Hoàng Thị S và anh Nguyễn Ngọc G có 02 con chung là Nguyễn Ngọc Q, sinh năm 19xx(đã thành niên, khỏe mạnh, không có nhược điểm về thể chất, tâm thần) và Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày xx/xx/20xx. Chị S, anh G đều xin nuôi dưỡng con chung Nguyễn Thị Ngọc H, không yêu cầu cấp dưỡng cho con. Tuy nhiên con chung có nguyện vọng được ở với chị S. Mặt khác con Nguyễn Thị Ngọc H là con gái nên cần sự chỉ bảo của người mẹ hơn. Do đó giao con chung Nguyễn Thị Ngọc H cho chị Hoàng Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh Nguyễn Ngọc G không phải cấp dưỡng cho con là phù hợp.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị S, anh G tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về án phí: chị Hoàng Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: chị Hoàng Thị S và anh Nguyễn Ngọc G có quyền kháng cáo bản án theo qui định tại các Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Hoàng Thị S.

Về hôn nhân: chị Hoàng Thị S được ly hôn anh Nguyễn Ngọc G.

Về con chung: giao chị Hoàng Thị S trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Thị Ngọc H, sinh ngày xx/xx/20xx cho đến tuổi thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Nguyễn Ngọc G không phải cấp dưỡng cho con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

Về án phí: chị Hoàng Thị S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng chị S đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 000xxxx ngày 15/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh. Chị S đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: nguyên đơn chị Hoàng Thị S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 12/9/2022.

Bị đơn anh Nguyễn Ngọc G vắng mặt, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TP Cẩm Phả;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS TP Cẩm Phả;
- UBND phường P1, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu: Hồ sơ - Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Trương Thị Túc

